

3 — Các tỉnh liên Khu 4, chưa có chủ trương thống nhất thu mua tre, nứa, lá (trừ luồng ở Thanh hóa), vẫn có thể cho nhân dân khai thác tre, nứa, lá để tự sản tự tiêu, hoặc bán cho Lâm thổ sản, tùy theo thỏa thuận giữa hai bên, nhưng trong việc cấp giấy phép khai thác tre, nứa, lá cần phối hợp chặt chẽ với ngành Lâm thổ sản để đảm bảo chính sách giá cả và quản lý thị trường.

4 — Đối với các tỉnh hiện nay hoặc sau này có nhiệm vụ sản xuất tre, nứa cho công nghệ giấy (Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang v.v...) cần có kế hoạch ấn định những khu vực dự trữ để đảm bảo cung cấp lâu dài cho công nghệ giấy. Bộ sẽ có chỉ thị riêng về vấn đề này.

Kèm theo đây bản sao biên bản hội nghị giữa đại biểu Thủ tướng Phủ và hai Bộ Nội thương — Nông lâm để các khu, tỉnh nghiên cứu thi hành.

Hà nội ngày 9 tháng 9 năm 1958

K.T. Bộ Trưởng Bộ Nông lâm

Thủ trưởng

NGUYỄN TẠO

### BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

**NGHỊ ĐỊNH số 73-NĐ ngày 29-10-1958**  
ấn định tiền cước vận chuyển đầu  
máy nguội toa xe rỗng và toa than  
nước khi móc vào đoàn tàu để kéo đi.

#### BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 252-NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện ra ngày 19-8-1957 điều 78 chương VIII quy định về cước đặc biệt:

Căn cứ nghị định số 317-NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện ra ngày 14-10-1957 về giá cước vận chuyển hàng hóa trên Đường sắt;

Sau khi được Thủ tướng phủ phê chuẩn (c/v số 4994/CN ngày 24 tháng 10 năm 1958):

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.**— Thêm vào nghị định số 317/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện ra ngày 14-10-1957 biểu cước đặc biệt về việc vận chuyển đầu máy nguội, toa xe rỗng và toa than, nước bằng cách móc vào đoàn tàu để kéo đi.

**Điều 2.**— Giá cước vận chuyển đầu máy nguội, toa xe rỗng, toa than, nước khi móc vào đoàn tàu để kéo đi, tính theo trục cây số như sau:

- Đầu máy nguội, mỗi trục cây số là: 475 đồng
- Toa than, nước, mỗi trục cây số là: 190 —
- Toa xe rỗng, mỗi trục cây số là: 190 —

**Điều 3.**— Khi toa xe rỗng móc vào đoàn tàu để kéo đi, nếu chủ xe có xếp vào toa xe ấy một số hàng, thì có thể chỉ tính trọng lượng thực tế của hàng hóa xếp trên xe theo bậc cước của loại, hàng đã quy định trong biểu cước ở nghị định 317-NĐ mà thôi, chứ không tính thêm tiền cước toa xe rỗng nữa. Nhưng nếu tiền cước tính cho hàng hóa đó thấp hơn tiền cước toa xe rỗng thì tính cước vận chuyển toa xe rỗng.

**Điều 4.**— Giá cước đặc biệt về vận chuyển đầu máy nguội, toa xe rỗng và toa than, nước kéo theo tàu áp dụng kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1958.

**Điều 5.**— Ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện và ông Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 29 tháng 10 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thủ trưởng

LÊ DUNG

### NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

**THÔNG TƯ số 126-VP/PC ngày 28-10-1958** bổ sung về việc xử lý các khoản tiền thiếu, mất, tham ô.

Kính gửi: **Ồ Trưởng Ngân hàng các tỉnh**

Đồng kính gửi: **Ủy ban Hành chính các khu, thành phố và tỉnh**

Trước đây Ngân hàng trung ương đã ban hành thông tư số 5-PH/TT ngày 14-9-1955 và số 08-PH/TT ngày 22-12-1957 nhằm quy định một số nguyên tắc tổ chức và quyền hạn nhiệm vụ của Hội đồng xử lý các chi nhánh và Hội đồng xử lý Ngân hàng trung ương để tiến hành xử lý những khoản tiền thiếu, mất, tham ô xảy ra trong quá trình công tác.

Việc xử lý nói chung đã được tiến hành tốt giúp ích nhiều cho việc tăng cường bảo vệ tiền bạc của công quỹ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện xử lý xét thấy còn có những quy định về quyền hạn xử lý và nguyên tắc đền bù, thanh toán không thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Do đó, làm cho công việc xử lý gặp phần khó khăn trở ngại.

Hiện nay, để đẩy mạnh công tác xử lý được kịp thời Trung ương bổ sung thông tư xử lý số 8-PH/TT như sau:

#### A — Quyền hạn xử lý

1 — Bắt đầu từ ngày ban hành thông tư bổ sung này, những vụ thiếu, mất tiền bạc xảy ra dưới:

50.000đ trở xuống mà nguyên nhân là sơ xuất về nghiệp vụ hay vì thiếu trách nhiệm lần đầu, không có hiện tượng tham ô thì do Hội đồng xử lý chi nhánh xử lý và thông qua Trưởng Chi nhánh duyệt rồi thì hành, không phải qua Hội đồng xử lý Trung ương duyệt.

2 — Những vụ thiếu, mất từ 50.000đ trở lên thì sau khi xử lý, phải báo cáo lên Trung ương để Hội đồng xử lý Trung ương xét duyệt lại rồi mới được thi hành.

3 — Những vụ thiếu, mất từ dưới 50.000đ trở xuống xảy ra từ trước ngày ban hành thông tư bổ sung này, còn lại chưa xử lý hoặc xử lý rồi nhưng Hội đồng xử lý trung ương chưa kịp duyệt thì Hội đồng xử lý chi nhánh cũng tiến hành xử lý và thi hành theo tinh thần như điểm 1 đã nói trên đây.

4 — Những vụ tham ô từ 10.000đ trở lên sau khi Hội đồng xử lý Chi nhánh xử lý phải báo cáo về Trung ương để Hội đồng xử lý Trung ương xét duyệt lại mới được thi hành.

5 — Trách nhiệm và quyền hạn xử lý những vụ thiếu, mất, tham ô xảy ra trong công tác tiết kiệm và cho vay thu nợ và trong chi tiêu dự toán Ngân hàng cũng phân công xử lý như những trường hợp thiếu, mất, trong công tác thu phát.

6 — Những vụ tái phạm, bất luận nhiều ít đều phải báo cáo lên trung ương để Hội đồng xử lý trung ương duyệt mới được thi hành.

#### B — Nguyên tắc quy định đền bù tiền bạc

1 — Những vụ thiếu, mất xét do vi phạm nội quy chế độ liên tục mặc dầu đã có giáo dục nhắc nhở nhưng vẫn tái phạm thì xử lý có thể quy định đền bù tiền bạc từ 50% đến 100% số tiền.

#### C — Biện pháp xử lý những khoản tiền mất đã từ lâu (mất từ thời kỳ kháng chiến hay thu hồi tiền đối phương)

1 — Những vụ thiếu, mất từ 100.000đ trở lên phải qua Hội đồng xử lý trung ương duyệt mới được thi hành. Những vụ dưới 100.000đ do Chi nhánh xử lý và thi hành.

2 — Những vụ mất hiện đương sự không ở cơ quan, không còn rõ địa chỉ; hoặc bản thân gia đình nghèo túng; bị xử tù khánh kiệt tài sản thì

có thể xét cho chuyển vào lỗ lãi sau khi đã xác minh thật kỹ.

3 — Những vụ đã xử đền rồi và còn khả năng thu hồi được phải tích cực dùng mọi biện pháp để thu hồi dần.

4 — Những vụ xét cần thiết phải được điều tra xác minh thêm thì có thể đề nghị để tiến hành điều tra thêm.

#### D — Quy định trách nhiệm :

1 — Mỗi cán bộ, nhân viên làm thiếu, mất, tiền bạc, ngoài trách nhiệm phải đền bù về tiền bạc, còn phải chịu trách nhiệm về nguyên nhân để xảy ra thiếu mất và vi phạm chế độ nguyên tắc thể lệ làm việc. Phải có kỷ luật bằng mọi hình thức tương xứng với khuyết điểm.

2 — Những cán bộ, nhân viên nào vi phạm chế độ nội quy và làm thiếu, mất tiền bạc nhiều lần, mặc dầu đã được giáo dục nhắc nhở nhưng không sửa chữa và còn tái phạm thì phải thi hành kỷ luật nặng cho đến mức bắt buộc phải thôi. hời.

3 — Những vụ tham ô quan trọng hoặc những vụ thiếu, mất công quỹ đã được Hội đồng xử lý nhưng đương sự không chấp hành nghị quyết của Hội đồng ấy cũng có thể xét đem ra truy tố trước pháp luật.

4 — Đối với cán bộ phụ trách phòng và cán bộ phụ trách Chi nhánh, vì công tác lãnh đạo có thiếu sót để tiền bạc xảy ra thiếu, mất, tham ô nhiều lần hoặc thiếu mất đến mức trầm trọng, Trung ương đã nhắc nhở góp ý nhưng không kiên quyết lãnh đạo sửa chữa hoặc không đôn đốc chấp hành đúng chế độ nội quy để việc thiếu, mất vẫn tái diễn thì phải chịu trách nhiệm, tùy theo nặng nhẹ cũng phải chịu hình thức kỷ luật thích đáng.

Thông tư này nhằm bổ sung và nhắc lại một số điểm cần thiết như chế độ trách nhiệm, phân cấp xử lý. Ngoài ra những nguyên tắc và thể thức xử lý khác vẫn thi hành như thông tư số 08.PH/TT ngày 22-12-1957 đã quy định.

Hà nội ngày 28 tháng 10 năm 1958

K.T. Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Quốc gia Việt nam

Phó Tổng Giám đốc

TẠ HOÀNG CƠ